

Bản án số: 124/2019/HSPT
Ngày: 25-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các Thẩm phán: Ông Trần Hồng Hải, Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phiệt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 100/2019/HSPT ngày 12 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị D do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Lê Phương T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HSST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị D**, sinh ngày 21/08/2000 tại huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Xóm V, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C và bà Võ Thị T; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/11/2018 đến nay; *Có mặt*

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Đức Đ – Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh; *Có mặt*

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo: Chị Võ Lê Phương T; Sinh ngày 28/5/2001; Trú tại: Số nhà 07, ngõ 15, đường Đ, khối phố 9, phường N, thành phố H; Nghề nghiệp: Học sinh; *Vắng mặt*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:

3.1. Chị Đặng Thị H; Sinh năm: 1998; Trú tại: Thôn N, xã Thạch Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Vắng mặt*

3.2. Anh Trần Hiền G; Sinh năm: 1986; Trú tại: Số nhà 09, đường Đ, phường N, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Vắng mặt*

3.3. Anh Võ Tá K; Sinh năm: 1977; Trú tại: Số nhà 07, ngõ 15 đường Đ, khối phố 9, phường N, thành phố H; Nghề nghiệp: Lái xe; *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/5/2018 đến ngày 08/07/2018 trên địa bàn thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Thị D sử dụng mẫu “Giấy mượn tiền” của tiệm cầm đồ GD địa chỉ số 30 đường V, thành phố H do anh Trần Hiền G làm chủ cho Võ Lê Phương T vay tiền 28 lần, tổng số tiền 340.500.000 đồng với lãi suất từ 5.000 đồng đến 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương đương với lãi suất 182,5% đến 292%/năm, cao hơn gấp trên 5 lần của mức lãi suất cho vay tối đa là 20% theo quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền 75.803.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 18/05/2018 Nguyễn Thị D cho Võ Lê Phương T vay số tiền 10.000.000 đ, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 2.500.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho T 7.500.000 đồng. Trinh nhờ Thái Thị Hồng H (bạn của T) trực tiếp gặp D ký giấy mượn tiền. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 273.973 đ. Như vậy, D thu lợi bất chính 2.226.027 đ.

- Ngày 22/5/2018, D cho T vay số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.750.000đ tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho Trinh 5.250.000 đồng. T nhờ Thái Thị Hồng H trực tiếp gặp D ký giấy mượn tiền. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 191.781 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.558.219 đồng.

- Ngày 23/5/2018, D cho T vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.250.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho T 3.750.000 đồng. T nhờ Trần Thị Khánh H (bạn của T) trực tiếp gặp D ký giấy mượn tiền. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 136.986 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.113.014 đồng.

- Ngày 24/5/2018, D cho T vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.250.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho T 3.750.000 đồng. T nhờ Thái Thị Hồng H trực tiếp gặp D ký giấy mượn tiền. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 136.986 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.113.014 đồng.

- Ngày 25/5/2018, D cho T vay số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.750.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho T 5.250.000 đồng. T trực tiếp gặp D vay và ký giấy mượn tiền nhưng trong giấy mượn tiền ghi tên Đặng Kim P. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 191.781 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.558.219 đồng.

- Ngày 26/5/2018, D cho T vay số tiền 9.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 2.250.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho Trinh 6.750.000 đồng. T trực tiếp gặp D vay và ký giấy mượn tiền nhưng trong giấy mượn tiền ghi tên Trần Thị Khánh H. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 246.575 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 2.003.425 đồng.

- Ngày 26/5/2018, D cho T vay số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.750.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho Trinh 5.250.000 đồng. T trực tiếp gặp D vay và ký giấy mượn tiền nhưng trong giấy mượn tiền ghi tên Trần Thị Khánh H. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 191.781 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.558.219 đồng.

- Ngày 28/5/2018, D cho T vay số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 2.000.000đ tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho T 6.000.000đ. T trực tiếp gặp D vay và ký giấy mượn tiền. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 219.178đ. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.780.822 đồng.

- Ngày 30/5/2018, D cho T vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.250.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho T 3.750.000 đồng. T trực tiếp gặp D vay và ký giấy mượn tiền nhưng trong giấy mượn tiền ghi ký tên Nguyễn Thị L. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 136.986 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.113.014 đồng.

- Ngày 31/5/2018, D cho T vay số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.750.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho T 5.250.000 đồng. T nhờ Trần Thị Khánh H trực tiếp gặp D ký giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 191.781 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.558.219 đồng.

- Ngày 02/6/2018, D cho T vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.250.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho T 3.750.000 đồng. T nhờ Thái Thị Hồng H trực tiếp gặp D nhận tiền, H nhờ bạn là Nguyễn Thị Minh C ký giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 136.986 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.113.014 đồng.

- Ngày 05/6/2018, D cho T vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 3.750.000đ tiền lãi vào số tiền vay, còn 11.250.000đ T thanh toán cho D để trả các khoản nợ gốc trước đó. T nhờ Thái Thị Hồng H trực tiếp gặp D ký giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 410.959đ. Như vậy, D thu lợi bất chính 3.339.041đ.

- Ngày 07/6/2018, D cho T vay số tiền 18.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 4.500.000đ tiền lãi vào số tiền vay, còn 13.500.000đ T thanh toán cho D để trả các khoản nợ gốc trước đó. T nhờ Thái Thị Hồng H trực tiếp gặp D ký giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 493.151đ. Như vậy, D thu lợi bất chính 4.006.849đ.

- Ngày 10/6/2018, D cho T vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 8.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 960.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, còn 3.040.000 đồng T nhờ Thái Thị Hồng H trực tiếp gặp D nhận tiền và ký giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 65.753 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 894.247 đồng.

- Ngày 12/6/2018, D cho T vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 5.000.000đ tiền lãi vào số tiền vay, còn 15.000.000đ T thanh toán cho D để trả các khoản nợ gốc trước đó. T nhờ Thái Thị Hồng H trực tiếp gặp D ký giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 547.945đ. Như vậy, D thu lợi bất chính 4.452.055đ.

- Ngày 13/6/2018, D cho T vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 8.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 960.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, chỉ đưa cho Trinh 3.040.000 đồng. T nhờ Thái Thị Hồng H trực tiếp gặp D nhận tiền và ký giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 65.753 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 894.247 đồng.

- Ngày 15/6/2018, D cho T vay số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000 đ/1.000.000 đ/ngày (182,5%/năm). Diệt trừ 2.000.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, còn số tiền 6.000.000 đồng T nhờ H trực tiếp gặp D nhận tiền và ký giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 219.178 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.780.822 đồng.

- Ngày 16/6/2018, D cho T vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 2.500.000đ tiền lãi vào số tiền vay, còn 7.500.000đ T trực tiếp nhận từ D nhưng nhờ H viết giấy mượn tiền. H nhờ bạn là Nguyễn Thị Minh C viết giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 273.973đ. Như vậy, D thu lợi bất chính 2.226.027đ.

- Ngày 17/6/2018. D cho T vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 7.500.000đ tiền lãi vào số tiền vay, còn 22.500.000đ T thanh toán cho D để trả các khoản nợ gốc trước đó. T nhờ Thái Thị Hồng H trực tiếp gặp D ký giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 821.918đ. Như vậy, D thu lợi bất chính 6.678.082đ.

- Ngày 18/6/2018, D cho T vay số tiền 6.000.000 đ, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.500.000 đ tiền lãi vào số tiền vay, còn 4.500.000 đ T trực tiếp nhận từ D nhưng nhờ H viết giấy mượn tiền. H nhờ Nguyễn Thị Minh C viết giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 164.384đ. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.335.616đ.

- Ngày 22/6/2018, D cho T vay số tiền 37.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 9.250.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, còn 27.750.000 đồng T thanh toán cho D để trả các khoản nợ gốc trước đó. T nhờ Thái Thị Hồng H trực tiếp gặp D ký giấy mượn tiền nhưng ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 1.014.000 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 8.236.301 đồng.

- Ngày 27/6/2018, D cho T vay số tiền 42.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 10.500.000đ tiền lãi vào số tiền vay, còn 31.500.000đ T thanh toán cho D để trả các khoản nợ gốc trước đó. T đồng ý để D viết giấy mượn tiền nhưng ghi tên người mượn tiền là Đặng Cẩm P. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 1.150.685đ. Như vậy, D thu lợi bất chính 9.349.315đ.

- Ngày 27/6/2018, D cho T vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 3.750.000đ tiền lãi vào số tiền vay, còn 11.250.000đ T thanh toán cho D để trả các khoản nợ gốc trước đó. T đồng ý để D viết giấy mượn tiền nhưng ghi tên người mượn tiền là Đặng Cẩm P. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 410.959 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 3.339.041 đồng.

- Ngày 03/07/2018, D cho T vay số tiền 14.500.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 3.625.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, còn 10.875.000 đồng T trực tiếp nhận từ D nhưng nhờ Trần Thị Khánh H viết giấy mượn tiền, trong giấy mượn tiền ký và ghi tên Trần Thị Hồng H. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 397.260 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 3.227.740 đồng.

- Ngày 04/07/2018, D cho T vay số tiền 6.000.000đ, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.500.000đ tiền lãi vào số tiền vay, còn 4.500.000đ T nhờ Đào Mạnh H (bạn T) trực tiếp gặp D nhận tiền và viết giấy mượn tiền, trong giấy mượn tiền H ký và ghi tên Trần Thị Khánh H. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 164.384 đ. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.335.616 đồng.

- Ngày 5/7/2018, D cho T vay số tiền 11.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 2.750.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, còn 8.250.000 đồng T thanh toán cho D để trả các khoản nợ gốc trước đó. D chưa viết giấy mượn tiền mà ghi chép vào sổ vay tiền. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 301.370 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 2.448.630 đồng.

- Ngày 06/7/2018, D cho T vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 1.250.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, còn 3.750.000 đồng T trực tiếp nhận tiền từ D nhưng nhờ Thái Thị Hồng H viết giấy mượn tiền ghi tên Võ Lê Phương T. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 136.986 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 1.113.014 đồng.

- Ngày 08/7/2018, D cho T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày (182,5%/năm). D trừ 5.000.000 đồng tiền lãi vào số tiền vay, còn 15.000.000 đồng T thanh toán cho D để trả các khoản nợ gốc trước đó. D chưa viết giấy mượn tiền mà ghi chép vào sổ vay tiền. Theo quy định của pháp luật số tiền lãi D được phép thu của T tối đa là 20%/năm, tức là 547.945 đồng. Như vậy, D thu lợi bất chính 4.452.055 đồng.

Tổng cộng Nguyễn Thị D cho Võ Lê Phương T vay số tiền 340.500.000 đồng. D đã khấu trừ 85.045.000 đồng tiền lãi vào khoản tiền gốc khi cho vay. Tính đến ngày 08/07/2018, T đã thanh toán cho D 119.260.000 đồng tiền gốc, còn lại 221.240.000 đồng tiền gốc chưa thanh toán. Do T không trả nợ nên D đã nhờ Tô Hà Đ và Dương Ngọc T nhiều lần gặp T và gia đình để đòi nợ. Đến ngày 01/11/2018, ông Võ Tá K (bố của T) đã thanh toán cho D số tiền 200.000.000 đồng thay cho T.

Tại Bản án sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 05-7-2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Nguyễn Thị D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt Nguyễn Thị D 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 468, các điều 122, 123, 131 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải trả lại cho chị Võ Lê Phương T số tiền 9.241.000đ.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc và tiền thu lợi bất chính tại Nguyễn Thị D tổng cộng 395.063.000 đồng; nhưng bị cáo được trừ số tiền 200.000.000đ có trong tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H; bị cáo còn phải nộp 195.063.000đ;

- Truy thu tại chị Võ Lê Phương T số tiền 21.240.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 18/7/2019 bị cáo Nguyễn Thị D kháng cáo xin được giảm hình phạt và không truy thu các khoản tiền như án sơ thẩm đã quy kết; Với lý do: mức án đối với bị cáo là quá cao; bị cáo làm công cho người khác không được hưởng lợi gì, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Ngày 19/7/2019, Võ Lê Phương T (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) kháng cáo yêu cầu Nguyễn Thị D trả lại số tiền 91.304.000đ do gia đình chị T trả thừa cho bị cáo D và hủy bỏ nội dung truy thu số tiền 21.240.000đ theo bản án sơ thẩm; với lý do: chị T cho rằng chị T đã trả cho D 156.000.000đ, chứ không phải chỉ mới trả 119.260.000 như Tòa án sơ thẩm nêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Chị Võ Lê Phương T vắng mặt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh đối với bị cáo Nguyễn Thị D, đồng thời đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và không truy thu các khoản tiền của bị cáo như án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; tiết 2 điểm d khoản 1, tiết 3 điểm a, b khoản 2 Điều 357 BLTTHS không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D và chấp nhận một phần kháng cáo của chị Võ Lê Phương T (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan), giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp.

+ *Về tội danh và hình phạt:* Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36; Điều 91; Điều 100 BLHS: Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị D về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; đoạn 2 khoản 1 Điều 468 BLDS buộc bị cáo Nguyễn Thị D trả lại cho chị Võ Lê Phương T số tiền 75.260.904đ mà bị cáo D thu được từ việc cho chị T vay.

+ *Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc và tiền thu lợi bất chính tại Nguyễn Thị D tổng cộng là 328.502.000đ (gồm 319.260.000đ tiền cho vay và 9.242.000đ tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm), nhưng được trừ số tiền 200.000.000đ có trong tài khoản tạm giữ của Chi cục THADS thành phố H, bị cáo còn phải nộp 128.502.000đ; Truy thu tại chị Võ Lê Phương T số tiền 21.240.000đ nộp ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị D thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với bản án sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/05/2018 đến ngày 08/07/2018 Nguyễn Thị D đã cho Võ Lê Phương T vay 28 lần liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian tổng số tiền 340.500.000 đồng với lãi suất cao hơn gấp trên 5 lần của mức lãi suất cao nhất là 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự, trong đó: 26 lần vay từ 5.000.000 đồng đến 42.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm; 02 lần vay 4.000.000 đồng với lãi suất 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương đương 292%/năm. T đã trả cho D 85.045.000 đồng tiền lãi, trong khi đó số tiền lãi tối đa D được thu theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật Dân sự là 9.241.096 đồng (20%/năm). Như vậy, D thu lợi bất chính 75.803.000 đồng từ việc cho Võ Lê Phương T vay lãi nặng.

Xét thấy, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”** quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Lê Phương T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Do đó, việc cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng cải tạo không giam giữ là đã xem xét đầy đủ về nhân thân, là người chưa thành niên phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo về việc đề nghị không truy thu các khoản tiền của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Xét thấy, số tiền gốc Nguyễn Thị D cho chị Võ Lê Phương T vay 340.500.000 đồng là công cụ phương tiện phạm tội, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cấp sơ thẩm tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước là có căn cứ. Do chị T đã trả 319.260.000 đồng tiền gốc cho bị cáo, còn 21.240.000đ T chưa trả cho bị cáo nên tịch thu tại bị cáo số tiền 319.260.000 đồng, truy thu tại Võ Lê Phương T số tiền 21.240.000 đồng là đúng pháp luật. Số tiền 200.000.000đ ông Võ Tá K trả nợ cho D thay cho T hiện có trong tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Vì vậy, cấp sơ thẩm tịch thu số tiền 200.000.000đ có trong tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố H, đồng thời truy thu số tiền 119.260.000đ tại bị cáo Nguyễn Thị D và truy thu số tiền 21.240.000đ tại chị Võ Lê Phương T là có căn cứ.

Đối với số tiền lãi bị cáo thu của chị Võ Lê Phương T tiền lãi vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 75.803.904 đồng, xét thấy đây là tiền thu lợi bất chính, theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự cấp sơ thẩm truy thu nộp ngân sách Nhà nước là có căn cứ.

[2.3] Đối với số tiền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Lê Phương T cho rằng đã trả thừa 91.304.000 đồng cho Nguyễn Thị D và nay yêu cầu Nguyễn Thị D trả lại, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngoài 28 lần bị cáo D cho Võ Lê Phương T vay đã chứng minh được thì bị cáo D còn khai nhận cho Trinh vay 07 lần từ tháng 03/2018 đến tháng 05/2018; đối với số tiền 156.000.000đ bị cáo D giữ lại để thanh toán các khoản nợ gốc đến hạn, bao gồm cả khoản thanh toán nợ gốc đối với khoản T vay trước tháng 5/2018. Tuy nhiên, bị cáo D và Võ Lê Phương T đều không nhớ chính xác số tiền vay và lãi suất cho vay cụ thể nên không có cơ sở để xem xét xử lý. Do đó, việc chị T kháng cáo cho rằng chị T đã trả cho D 156.000.000đ chứ không phải chỉ mới trả 119.260.000 như Tòa án sơ thẩm quy kết và yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị D trả lại số tiền thừa 91.304.000đ là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Lê Phương T.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Lê Phương T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 40/2019/HSST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Nguyễn Thị D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt Nguyễn Thị D 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 468, các Điều 122, 123, 131 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải trả lại cho chị Võ Lê Phương T số tiền 9.241.000đ.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc và tiền thu lợi bất chính tại Nguyễn Thị D tổng cộng 395.063.000 đồng; nhưng bị cáo được trừ số tiền

200.000.000đ có trong tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H; bị cáo còn phải nộp 195.063.000đ;

- Truy thu tại chị Võ Lê Phương T số tiền 21.240.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, CA,THA cấp sơ thẩm;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Quang

